

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MÔI TRƯỜNG MINH ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MÔI TRƯỜNG MINH ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH ANH ENVIRONMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH ANH ENVIRONMENT GROUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110112940

3. Ngày thành lập: 09/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31 ngách 16/14, Đường Đỗ Xuân Hợp, Tổ dân phố Tân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988439888

Fax:

Email: *pandatcoca@gmail.com*

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa. (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4649
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cụ thể: Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.	4663
7.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: - Các cuộc gọi trong nước, trả lời các cuộc gọi từ khách hàng qua tổng đài viên, phân bổ cuộc gọi tự động, chuyển cuộc gọi tự động, hệ thống trả lời tương tác hoặc những phương thức đơn giản để nhận các hợp đồng, cung cấp sản phẩm thông tin, tiếp nhận phản ánh của khách hàng; - Các cuộc gọi ra nước ngoài sử dụng phương thức đơn giản để bán hoặc tiếp thị hàng hóa hoặc dịch vụ cho khách hàng tiềm năng, đảm nhận việc nghiên cứu thị trường hoặc thăm dò dư luận và các hoạt động tương tự cho khách hàng	8220
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
9.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
10.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo trực tuyến (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá).	7310

11.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và hoạt động báo chí)	7320
12.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
13.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
14.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
21.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
22.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
23.	Đúc sắt, thép	2431
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
26.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn. - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Cụ thể: Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất túi đựng nữ trang; Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp	2599
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
29.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
30.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng.	2829

31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Trừ đầu giá bán lẻ qua internet	4791
32.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten – nơ	4933
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	5210
35.	Bốc xếp hàng hóa	5224
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá. (Loại trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
37.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự. (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
38.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên; - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu như: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc dài hạn cho khách thuê trọ như: Nhà trọ cho công nhân, toa xe đường sắt cho thuê trọ, các dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú khác chưa kể ở trên.	5590
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán bia, cà phê, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
41.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
44.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
45.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
46.	Thu gom rác thải độc hại	3812
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821(Chính)
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
49.	Tái chế phế liệu	3830
50.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Cụ thể: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
51.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy ; - Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng.	4321

52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Cụ thể: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái; Bán lẻ đá, cát, sỏi. - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Cụ thể: Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.	4752
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
55.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
56.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
57.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
58.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

60.	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh: <p>+ Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;</p> <p>(Trừ bán lẻ súng, đạn, bán lẻ vàng, bán lẻ tem, tiền kim khí)</p>	4773
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ VĂN HIỆP	Số 31 ngách 16/14, Đường Đỗ Xuân Hợp, Tô dân phố số 15 Tân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0240980000 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

2	PHẠM DUY ĐẠT	Số 31 ngách 16/14, Đường Đỗ Xuân Hợp, Tổ dân phố số 15 Tân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	60,000	0360920034 39
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	60,000	
3	HÀ THỊ HIỀN	Số 31 ngách 16/14, Đường Đỗ Xuân Hợp, Tổ dân phố số 15 Tân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0241950000 01
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

